

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST

Ngày 03 - 4- 2025

V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con, công nợ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tuấn, bà Vũ Thị Huyền Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Loan - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 116/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con, công nợ”, thông báo thụ lý yêu cầu độc lập số 116A/2024/TB-TLVA ngày 03/12/2024 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025; Quyết định bổ sung người tham gia tố tụng số 16A/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Phan Văn A, sinh năm 1984; địa chỉ: tổ dân phố V, phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam, có mặt.

* Bị đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: tổ dân phố V, phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Đinh Tiến H1 - Công ty L - Chi nhánh tại Hà Nam, có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ngân hàng N1 (A1); Trụ sở chính: Số B, L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng N1 - Chi nhánh Đ1, địa chỉ: Khu công nghiệp Đ, phường Đ, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Đ - Giám đốc. Ủy quyền lại cho: Ông Phạm Văn T - Trưởng phòng Khách hàng; có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lưu Thị N, sinh năm 1958; nơi cư trú: Tổ dân phố V, phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phan Văn A trình bày:

Anh kết hôn cùng chị Vũ Thị H trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện xây dựng hạnh phúc gia đình và đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam vào ngày 12/9/2007. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong sinh hoạt hằng ngày nên không thể hàn gắn được, mặc dù đã được gia đình 02 bên khuyên giải nhiều lần nhưng đều không có kết quả. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã nhiều lần sống ly thân nhiều lần, lần gần đây nhất từ tháng 9/2024 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh A làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Chị H trình bày: Chị thừa nhận lời trình bày của anh A về điều kiện và thủ tục đăng ký kết hôn của vợ chồng là chính xác. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh A bắt chị đi vay tiền ngân hàng chị không đồng ý nên dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 10/2024 đến nay. Nay anh A làm đơn, chị đồng ý ly hôn. Hiện nay chị không có thai và không nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi.

Về con chung của vợ chồng: Anh Phan Văn A, chị Vũ Thị H cùng xác nhận vợ chồng có 3 con chung là các cháu Phan Thị Minh T1, sinh ngày 20/6/2008, Phan Thị Thu T2, sinh ngày 05/8/2012 và Phan Tiến Q, sinh ngày 25/4/2018. Khi ly hôn các đương sự thoả thuận giao anh A nuôi cháu T1, cháu Q, giao chị H nuôi cháu T2 và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức chung: Anh A, chị H tự thoả thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh A, chị H cùng xác định: Vợ chồng đang nợ Ngân hàng N1 - Chi nhánh Đ1, tổng số tiền gốc 590.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2907LAV202400688 ngày 20 tháng 08 năm 2024. Khi ly hôn các bên có quan điểm:

- Anh A trình bày: Nay anh đề nghị vợ chồng có trách nhiệm trả nợ ngân hàng.
- Chị H trình bày: Chị không chịu trách nhiệm với số tiền nợ ngân hàng, yêu cầu toà án buộc anh A phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ ngân hàng.
- Ông Phạm Văn T đại diện theo uỷ quyền của ngân hàng trình bày: Ông Phan Văn A cùng vợ là bà Vũ Thị H có quan hệ tín dụng với Ngân hàng N1 - Chi nhánh Đ1 (Nay là A1 Chi nhánh Đ1) theo Hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng tín dụng số 2907-LAV-202400688 ngày 20 tháng 08 năm 2024. Ban đầu vay số tiền 800.000.000 đồng, vay thời hạn 12 tháng, lãi suất 8,5%/năm; mục đích vay sản xuất cơ khí. Sau khi vay thì ngày 23/9/2024 anh Phan Văn A đã trả gốc và lãi số tiền 210.000.000 đồng nhưng từ tháng 10, tháng 11 năm 2024 anh A, chị H đã không thanh toán nợ gốc và lãi cho ngân hàng, vì vậy nay anh A, chị H ly hôn, để đảm bảo quyền lợi của ngân hàng đề

ngợi Toà án buộc anh A, chị H có trách nhiệm với khoản nợ chung trên. Đề nghị Toà án:

+ Buộc anh Phan Văn A và chị Vũ Thị H phải trả cho A1 Chi nhánh Đ1 II số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 03/4/2025 là: 616.517.671 đồng, Trong đó: Tiền gốc: 590.000.000 đồng, T3 lãi: 26.517.671 đồng.

+ Buộc anh Phan Văn A và chị Vũ Thị H phải tiếp tục trả tiền lãi trong hạn và quá hạn (nếu có) cho A1 Chi nhánh Đ1. Theo mức lãi suất theo đã thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc thực tế cho đến khi thi hành án xong theo quy định pháp luật.

+ Về xử lý tài sản bảo đảm: Trong trường hợp anh Phan Văn A và chị Vũ Thị H không trả được nợ, đề nghị Quý Tòa tuyên A1 Chi nhánh Đ1 có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, bán tài sản bảo đảm của anh Phan Văn A và chị Vũ Thị H để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

+ Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán nợ tại A1 Chi nhánh Đ1 thì buộc anh Phan Văn A và chị Vũ Thị H phải tiếp tục trả nợ đến khi thanh toán hết nợ.

Quá trình làm việc bà Lưu Thị N trình bày: Trước đây bà có xây nhà tạm sau đó vợ chồng anh A về chung sống với bà thì vợ chồng anh A có sửa sang lại thành nhà cấp bốn lợp tôn lạnh và công trình phụ kèm theo để cho cả nhà sinh sống. Năm 2020 bà tặng cho anh A và từ thời điểm ngày 19/8/2020 anh A đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 201, tờ bản đồ Phụ lục 11, tại Tổ dân phố V, phường B nên mọi quyền định đoạt đối với đất và tài sản trên thửa đất là của anh A. Ngày 25/8/2022 anh A, chị H đã thế chấp thửa đất và tài sản trên đất để vay vốn ngân hàng. Bà chỉ là người đang sinh sống cùng vợ chồng anh A và các con chung của anh chị nên mọi việc liên quan đến công nợ cũng như các vấn đề khác bà không có ý kiến gì, không có yêu cầu gì. Nay do đã có tuổi, việc đi lại khó khăn nên bà giải quyết xin vắng mặt bà tại Toà án.

Tại phiên toà anh Phan Văn A, chị Vũ Thị H, ông Phạm Văn T (đại diện theo uỷ quyền của ngân hàng) cùng thống nhất thoả thuận công nợ chung của anh A, chị H đối với ngân hàng với tổng số tiền tính đến ngày 03/4/2025 là 616.517.671 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 590.000.000đ, tiền nợ lãi 26.517.671đ), theo đó, chia theo phần mỗi người phải trả Ngân hàng là: 308.258.836 đồng. Các đương sự thống nhất để anh A chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ chung đối với Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 03/4/2025 là 616.517.671 đồng và chị H có trách nhiệm trả anh A 1 công nợ chung tương ứng với số tiền 308.258.836 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có quan điểm: Đề nghị Toà án xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh A và chị H. Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận của anh A và chị H khi ly hôn giao cháu Phan Thị Minh T1, sinh ngày 20/6/2008 và Phan Tiến Q, sinh ngày 25/4/2018 cho anh Phan Văn A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Phan Thị Thu T2, sinh ngày 05/8/2012 cho chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh A và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công sức: Anh A, chị H tự thoả thuận và

không yêu cầu Toà án giải quyết. Về công nợ chung: Đề nghị Toà án ghi nhận sự thoả thuận giữa anh A, chị H, ông T cùng thống nhất thoả thuận công nợ chung của vợ chồng đối với ngân hàng với tổng số tiền tính đến ngày 03/4/2025 là 616.517.671 đồng (trong đó tiền gốc là 590.000.000đ, tiền lãi 26.517.671đ), theo đó, chia theo phần mỗi người phải trả Ngân hàng là: 308.258.836 đồng. Các đương sự thống nhất để anh A chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ chung đối với Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 03/4/2025 là 616.517.671 đồng và chị H có trách nhiệm trả anh A 1 công nợ chung tương ứng với số tiền 308.258.836 đồng. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh A, chị H mỗi người phải chịu 75.000 đồng; án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm về nghĩa vụ công nợ chung: Đề nghị Toà án ghi nhận sự thoả thuận của anh A, chị H mỗi bên phải chịu 15.412.942 đồng.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; 147, 156, 157, 158, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Các Điều 99, 100, 103, 107 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

- Áp dụng Điều 319 Luật Thương mại.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật phí và lệ phí của Quốc hội. Đề nghị:

- Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phan Văn A và chị Vũ Thị H

- **Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận của đương sự, khi ly hôn** giao cháu Phan Thị Minh T1, sinh ngày 20/6/2008 và Phan Tiến Q, sinh ngày 25/4/2018 cho anh Phan Văn A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Phan Thị Thu T2, sinh ngày 05/8/2012 cho chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh A và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về công nợ chung: Chấp nhận yêu cầu đập lập của Ngân hàng N1 đối với anh Phan Văn A, chị Vũ Thị H về Hợp đồng tín dụng số: 2907LAV202400688 ngày 20/8/2024.

Buộc anh A và chị H phải trả nợ ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 2907LAV202400688 ngày 20/8/2024 tính đến ngày 03/4/2025 tổng số tiền là 616.517.671 đồng (trong đó tiền gốc là 590.000.000đ, tiền lãi 26.517.671đ). Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự để anh Phan Văn A chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ chung đối với Ngân hàng N1 đến ngày 03/4/2025 là 616.517.671 đồng và chị H có trách nhiệm thanh toán trả anh A ½ công nợ chung tương ứng với số tiền là: 308.258.836 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Phan Văn A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận theo hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp anh Phan Văn A vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số số 2907-LAV-202400688 ngày 20/8/2024 thì Ngân hàng N1 - Chi nhánh Đ1 II có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên phát mại tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 201, tờ bản đồ PL số 11, diện tích 86m² mang tên anh Phan Văn A, do Sở TN và MT tỉnh H cấp ngày 19/8/2020 để thu toàn bộ số tiền nợ theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh Phan Văn A, chị Vũ Thị H vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ ngân hàng cho đến khi tất toán. Nếu tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải được trả lại cho chủ sở hữu. Trường hợp nếu anh A, chị H thanh toán được nợ thì ngân hàng có nghĩa vụ làm thủ tục giải chấp tài sản và trả lại giấy tờ thế chấp cho anh A, chị H.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong cho anh A, chị H phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Bác các yêu cầu khác của các đương sự không có căn cứ.
- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.
- Về án phí:
 - + Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh A, chị H mỗi người phải nộp 75.000đ.
 - + **Án phí kinh doanh thương mại** sơ thẩm về nghĩa vụ công nợ chung phải trả: Ghi nhận việc thoả thuận của anh A, chị H mỗi người phải chịu án phí có giá ngạch đối với công nợ chung phải trả.

H2 lại cho Ngân hàng N1 - Chi nhánh Đ1 II số tiền tạm ứng án phí KDTM sơ thẩm là 12.000.000 đồng tại Biên lai thu ngày 03/12/2024 tại Chi cục THADS thị xã D.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử TAND thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Anh Phan Văn A khởi kiện xin ly hôn chị Vũ Thị H có nơi cư trú tại phường B, thị xã D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Duy

Tiên là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bà Lưu Thị N nhưng bà N có đơn xin vắng mặt nên HĐXX căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N.

- Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn A và chị Vũ Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam đăng ký kết hôn vào ngày 12/9/2007 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo hộ.

Sau thời gian chung sống giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn là thực tế các bên đã thừa nhận, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, sống ly thân bỏ mặc không quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình đã trình bày ở trên. Nay anh A xin ly hôn thì chị H cũng đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã tồn tại trong một thời gian mà không được cải thiện, vợ chồng sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh A và chị H là phù hợp thực tế và có căn cứ pháp luật tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung: Anh Phan Văn A, chị Vũ Thị H cùng xác nhận vợ chồng có 3 con chung là các cháu Phan Thị Minh T1, sinh ngày 20/6/2008, Phan Thị Thu T2, sinh ngày 05/8/2012 và Phan Tiến Q, sinh ngày 25/4/2018. Khi ly hôn các đương sự thoả thuận giao anh A nuôi cháu T1, cháu Q, giao chị H nuôi cháu T2 và không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh A, chị H được quyền thăm hỏi, chăm sóc và giáo dục con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung, công sức chung: Anh A, chị H xác nhận tự thoả thuận và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[4] Về công nợ: Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập (Ngân hàng N1) nhận thấy:

[4.1] Hợp đồng tín dụng số: 2907LAV202400688 ngày 20/8/2024 được ký kết giữa Ngân hàng N1 - Chi nhánh Đ1 và anh Phan Văn A, chị Vũ Thị H nay được các bên thừa nhận, nội dung của hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Sau khi ký hợp đồng ngân hàng đã giải ngân số tiền 800.000.000 đồng, quá trình thực hiện hợp đồng ngày 23/9/2024 anh Phan Văn A đã trả gốc và lãi số tiền 210.000.000 đồng nhưng từ tháng 10, tháng 11 năm 2024 anh A, chị H đã không thanh toán nợ gốc và lãi cho ngân hàng. Nay do anh A,

chị H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngân hàng khởi kiện buộc anh A, chị H phải trả nợ gốc: 590.000.000 đồng là có căn cứ và được chấp nhận.

[4.2] Về yêu cầu tiền lãi (lãi trong hạn): Thỏa thuận của các bên trong hợp đồng về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật về việc áp dụng mức lãi suất cho vay và đã được ngân hàng tính toán, thực hiện theo đúng hợp đồng, theo từng giai đoạn điều chỉnh lãi suất của bên cho vay, phù hợp với quy định về áp dụng mức lãi suất của ngân hàng N2 tại thời điểm điều chỉnh nên có giá trị thi hành đối với các bên. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận nên cần buộc bị đơn anh Phan Văn A và chị Vũ Thị H phải trả Ngân hàng tiền lãi (tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 03/4/2025), cụ thể nợ lãi trong hạn là 26.517.671 đồng.

[4.3] Về xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo việc thanh toán khoản nợ đã vay, anh Phan Văn A, chị Vũ Thị H đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 86m² (đất ở nông thôn nay là đất ở đô thị) và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 201, tờ bản đồ PL 11, địa chỉ: Tổ dân phố V, phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 673162 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh H cấp ngày 19/8/2020 mang tên Phan Văn A theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 202200652/HĐTC ngày 25/8/2022 đã được chứng thực số 129/2022 - Quyền số: 01/2022 - SCT/HĐGD Ủy ban nhân dân phường B chứng thực ngày 25/8/2022. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký, giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đất đai thị xã D, tỉnh Hà Nam. Kết quả xác minh, xem xét thẩm định có đủ cơ sở khẳng định: Diện tích 86m² (đất ở nông thôn nay là đất ở đô thị) và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 201, tờ bản đồ PL 11, địa chỉ: Tổ dân phố V, phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam là tài sản riêng của anh A (anh A được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân). Anh A đã tự nguyện đem tài sản riêng thế chấp khoản vay chung của vợ chồng. Vì vậy hợp đồng thế chấp tài sản do anh A, chị H đã ký với ngân hàng được xác lập trên ý chí tự nguyện của các bên, hình thức, nội dung hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật và đã được đăng ký bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền là đúng, có hiệu lực pháp luật. Khi thế chấp trên đất có 01 nhà cấp bốn, từ thời điểm thế chấp đến nay không thay đổi gì. Vì vậy, xét yêu cầu của ngân hàng về việc xử lý tài sản bị đơn đã thế chấp để đảm bảo cho việc thanh toán khoản nợ đã vay khi bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

Xét thấy đây là khoản nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên buộc anh A và chị H phải có trách nhiệm chung đối với khoản nợ này. Theo đó, anh A, chị H mỗi người phải có trách nhiệm trả nợ ngân hàng ½ khoản nợ tính đến ngày 03/4/2025 tổng số tiền là 616.517.671 đồng (trong đó tiền gốc là 590.000.000đ, tiền lãi 26.517.671đ). Xét thấy khoản nợ này được đảm bảo bằng tài sản riêng của anh A nên để đảm bảo quyền lợi của ngân hàng khi thi hành án cần ghi nhận sự thỏa thuận của anh A, chị H và đại diện ngân hàng về việc để anh A chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ chung đối với ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 03/4/2025 là 616.517.671 đồng và chị H có trách nhiệm thanh toán trả anh A ½ công nợ chung tương ứng với số tiền là: 308.258.836 đồng.

Đối với các yêu cầu khác của các đương sự không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận.

[4.4] *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ*: Ngân hàng tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[4.5] *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm*: Ghi nhận sự thoả thuận của anh A, chị H mỗi người phải chịu là 15.412.941 đồng. Ngân hàng được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh A và chị H phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 28; 30; 35; 39; 147, 156, 157, 158, Điều 227, Điều 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

- Các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình;

- Các Điều 116, 117, 118, 119, 274, 275, 292, 295, 298, 299, 300, 301, 303, 307, 317, 318, 319, 320, 321, 323, 325, 327, 385, 398, 401, 463, 466, 468, 470 của **Bộ luật Dân sự năm 2015**

- Các Điều 95, Điều 167, Điều 168, Điều 188 **Luật Đất đai năm 2013**

- Các Điều 99, 100, 103, 107 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

- Điều 319 Luật thương mại;

- Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định về áp dụng lãi suất.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phan Văn A và chị Vũ Thị H.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận của đương sự khi ly hôn: giao anh Anh nuôi cháu Phan Thị Minh T1, sinh ngày 20/6/2008, cháu Phan Tiến Q, sinh ngày 25/4/2018; giao chị H nuôi cháu Phan Thị Thu T2, sinh ngày 05/8/2012. Anh A, chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh A, chị H được quyền thăm hỏi, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Anh A và chị H và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị H, anh A trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Chấp nhận yêu cầu đập lập của Ngân hàng N1 đối với anh Phan Văn A, chị Vũ Thị H về Hợp đồng tín dụng số: 2907LAV202400688 ngày 20/8/2024.

Buộc anh A và chị H phải trả nợ ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 2907LAV202400688 ngày 20/8/2024 tính đến ngày 03/4/2025 tổng số tiền là 616.517.671 đồng (trong đó tiền gốc là 590.000.000đ, tiền lãi 26.517.671đ). Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự để anh Phan Văn A chịu trách nhiệm thanh toán toàn

bộ khoản nợ chung đối với Ngân hàng N1 đến ngày 03/4/2025 là 616.517.671 đồng và chị H có trách nhiệm thanh toán trả anh A $\frac{1}{2}$ công nợ chung tương ứng với số tiền là: 308.258.836 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Phan Văn A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận theo hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong cho anh A, chị H phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp anh Phan Văn A vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số số 2907-LAV-202400688 ngày 20/8/2024 thì Ngân hàng N1 - Chi nhánh Đ1 II có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên phát mại tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 201, tờ bản đồ PL số 11, diện tích 86m² mang tên anh Phan Văn A, do Sở TN và MT tỉnh H cấp ngày 19/8/2020 để thu toàn bộ số tiền nợ theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh Phan Văn A, chị Vũ Thị H vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ ngân hàng cho đến khi tất toán. Nếu tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải được trả lại cho chủ sở hữu. Trường hợp nếu anh A, chị H thanh toán được nợ thì ngân hàng có nghĩa vụ làm thủ tục giải chấp tài sản và trả lại giấy tờ thế chấp cho anh A, chị H.

4. Bác các yêu cầu khác của các đương sự không có căn cứ.

5. Về án phí:

+ Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh A, chị H mỗi người phải nộp 75.000 đồng. Anh A được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0001518 ngày 05/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên, anh A được nhận lại số tiền 225.000 đồng.

+ **Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm** về nghĩa vụ công nợ chung phải trả: Ghi nhận sự thoả thuận của anh A, chị H mỗi người phải chịu là 15.412.941 đồng.

H2 lại cho Ngân hàng N1 - Chi nhánh Đ1 II số tiền tạm ứng án phí KDTM sơ thẩm là 12.000.000 đồng tại Biên lai thu ngày 03/12/2024 tại Chi cục THADS thị xã D.

Án xử công khai sơ thẩm; đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam.
- VKSND thị xã Duy Tiên.
- Chi cục THA thị xã Duy Tiên.
- UBND phường Bạch Thượng;
- Các đương sự.
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tươi